TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B - TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**
Số: 115/2023/QĐST-HNGĐ	*B, ngày 02 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 206/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp Q, xã I, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: Anh Trịnh Văn F, sinh năm 1968. Địa chỉ: ấp Q, xã I, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 5 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị H và anh Trịnh Văn F. Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 35, ngày 02/7/2008 của Ủy ban nhân dân xã I, huyện B, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực.

2. Công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự:

2.1. Về con chung: Chị Lê Thị H nuôi cháu Trịnh Minh P, sinh ngày 26/10/2009 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi (cháu P có nguyện vọng sống với chị H). Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh F cấp dưỡng nuôi con.

Con chung tên Trịnh Thị Trúc Ơ, sinh ngày 27/10/1992, Trịnh Thị Kim G, sinh ngày 17/3/1997, Trịnh Thị Ngọc M, sinh ngày 11/3/2003 đã trưởng thành nên không

yêu cầu giải quyết.

Anh F có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

2.3. Về nợ chung: Đôi bên khai không có.

2.4. Án phí hôn nhân và gia đình hòa giải thành là: 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) chị Lê Thị H tự nguyện nộp và được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0001493 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Sau khi khấu trừ chị H còn nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã I;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phạm Văn Long